

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (190.000)
Tháng 8 năm 2026

ĐVT: đồng																						
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯDN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D
	Phần I		179,50	4,60	5,80	1,80	0,06	0,30	18,30	73,86	265,86	50.513.202	0	0	0	0	228.000	2.802.862	525.540	350.358	46.606.442	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70					20%	1,36	8,16	1.550.400	0	0	0	0		103.360	19.380	12.920	1.414.740	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	5,08	0,60					40%	2,27	7,95	1.510.880	0		0	0		86.336	16.188	10.792	1.397.564	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30					20%	0,92	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	961.191	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	4,32						20%	0,86	5,18	984.960	0		0	0		65.664	12.312	8.208	898.776	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	781.280	0	0	0	0	0	49.552	9.291	6.194	716.243	
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20			20%	0,94	5,86	1.114.160	0	0	0	0	0	71.744	13.452	8.968	1.019.996	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30					20%	0,86	5,15	978.120	0	0	0	0	0	65.208	12.226	8.151	892.535	
8	Trần Thị Bích Phương	V.06.031	3,99						20%	0,80	4,79	909.720	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	830.119	
9	Nguyễn Thủy Kiều	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	832.200	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	759.382	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	624.150	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	624.150	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10			20%	0,67	4,11	780.520	0	0	0	0		50.768	9.519	6.346	713.887	
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	2,10						20%	0,42	2,52	478.800	0	0	0	0	0	31.920	5.985	3.990	436.905	Bỏ nhiệm vào ngạch
	Cộng		50,47	2,30	0,20	0,30	0,00	0,00	2,80	11,69	64,96	12.342.400	0	0	0	0	0	802.104	150.395	100.263	11.289.638	
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				60%	2,57	7,06	1.342.160	0	0	0	0	1.652	65.208	12.226	8.151	1.254.923	Ct 1 ngày
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	24.783	55.480	10.403	6.935	1.106.999	P 15 ngày
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	1.307.960	0	0	0	0	4.957	60.648	11.371	7.581	1.223.403	Tăng PCƯDN, PCTN, PCĐH, Học 3 ngày
17	Nguyễn Thị Bạ	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	1.652	55.480	10.403	6.935	1.130.130	P 1 ngày
18	Trịnh Thị Thủy Nga	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.131.782	
19	Huỳnh Văn Văn	V.08.07.18	4,32						50%	2,16	6,48	1.231.200	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.145.016	
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32						40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936	
21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	4,32	0,30					40%	1,85	6,47	1.228.920	0	0	0	0	0	70.224	13.167	8.778	1.136.751	
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.019.740	

23	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	8.261	55.480	10.403	6.935	927.821	P 5 ngày
24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	821.807	Giám PCTN
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	4,32		0,20	0,10			40%	1,73	6,35	1.206.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.119.936	
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	1.030.560	0	0	0	0	4.957	55.632	10.431	6.954	952.586	P 2 ngày, Th 1 ngày
28	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	1.179.140	0	0	0	0	1.652	65.208	12.226	8.151	1.091.903	Th 1 ngày
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	1.266.920	0	0	0	0	36.348	70.224	13.167	8.778	1.138.403	Tr 1 ngày
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	31.391	60.648	11.371	7.581	988.349	Tr 4 ngày
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	31.391	60.648	11.371	7.581	988.349	Tr 4 ngày
32	Nguyễn Thị Lệ Thuý	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00			40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	31.391	55.480	10.403	6.935	904.691	Tr 4 ngày
33	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				50%	2,74	8,42	1.599.800	0	0	0	0	1.652	83.296	15.618	10.412	1.488.822	H 1 ngày
34	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3,96						50%	1,98	5,94	1.128.600	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.049.598	
35	Nguyễn Thị Nờ	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	1.040.250	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	967.432	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	6.609	60.648	11.371	7.581	1.013.131	P 4 ngày
37	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	936.082	
38	Dương Thành Tử	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40		6%	0,2988	70%	3,91	9,88	1.877.952	0	0	0	0	0	84.798	15.900	10.600	1.766.654	Tăng PCTNVK
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,99		0,40				60%	2,39	6,78	1.288.960	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.209.360	
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	1.185.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.112.782	
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	1.185.600	0	0	0	0	3.304	55.480	10.403	6.935	1.109.478	P 1 ngày
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	1.167.740	0	0	0	0	0	66.728	12.512	8.341	1.080.159	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	821.807	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0					40.584	7.610	5.073	656.953	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	4.957	60.648	11.372	7.581	1.014.782	P 3 ngày
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40				40%	1,60	5,99	1.137.340	0	0	0	0	33.043	60.648	11.372	7.581	1.024.696	P 10 ngày
	Cộng		129,03	2,30	5,60	1,50	0,06	0,30	15,50	62,17	200,90	38.170.802	0	0	0	0	228.000	2.000.758	375.145	250.095	35.316.804	
	Phần II		196,24	7,40	5,20	2,70	0,12	0,60	21,50	83,09	295,22	56.092.682	0	0	0	0	155.718	3.104.412	582.078	388.051	51.862.423	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60					40%	2,14	7,48	1.420.440	0	0	0	0	0	81.168	15.219	10.146	1.313.907	
48	Nguyễn Thị Kim Luyện	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
49	Đỗ Minh Mẫn	V.08.04.10	3,66						20%	0,73	4,39	834.480	0			0	0	55.632	10.431	6.954	761.463	
50	Phùng Thị Bích Thuý	V.08.06.16	4,27						40%	1,71	5,98	1.135.820	0	0	0	0	0	64.904	12.170	8.113	1.050.633	
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,33						20%	0,67	4,00	759.240	0			0	0	50.616	9.491	6.327	692.806	
52	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	4,32	0,40					20%	0,94	5,66	1.076.160	0	0	0	0	0	71.744	13.452	8.968	981.996	
53	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	981.740	
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	981.740	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	2,26						20%	0,45	2,71	515.280	0	0	0	0	0	34.352	6.441	4.294	470.193	
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33						20%	0,67	4,00	759.240	0			0	0	50.616	9.491	6.327	692.806	

57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00						20%	0,60	3,60	684.000	0			0	0	45.600	8.550	5.700	624.150	
58	Đinh Văn Đất	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	533.520	0			0	0	35.568	6.669	4.446	486.837	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	533.520	0			0	0	35.568	6.669	4.446	486.837	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66						20%	0,73	4,39	834.480	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	761.463	
	Cộng		48,89	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,80	14,23	64,12	12.182.420	0	0	0	0	0	758.328	142.187	94.791	11.187.114	
61	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				60%	3,29	8,97	1.703.920	0	0	0	0	1.652	83.296	15.618	10.412	1.592.942	Ct 1 ngày
62	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				60%	3,43	9,35	1.776.880	0	0	0	0	14.043	86.944	16.302	10.868	1.648.723	Tăng lương, P 8 ngày, Th 0,5 ngày
63	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	3,00							0,00	3,00	570.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	510.150	Đi học
64	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	906.680	0			0	13.217	40.584	7.610	5.073	840.196	Tăng PCUDN, PCTN, PCDH, Học 8 ngày
65	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	1.307.960	0	0	0	0	4.957	60.648	11.371	7.581	1.223.403	Th 1 ngày, P 2 ngày
66	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	1.204.600	0	0	0	0	0	55.480	10.403	6.935	1.131.782	
67	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30			60%	1,80	5,30	1.007.000	0	0		0	6.609	45.600	8.550	5.700	940.541	P 4 ngày
68	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30			60%	2,00	5,84	1.110.360	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	1.043.727	
69	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	827.640	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	779.560	
70	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	906.680	0	0	0	0	6.609	40.584	7.610	5.073	846.804	P 4 ngày
71	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30			60%	2,38	6,84	1.298.840	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.219.838	
72	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0			0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	
73	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	2,10			0,30			60%	1,26	3,66	695.400	0			0	0	31.920	5.985	3.990	653.505	
74	Đặng Anh Tuyển	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	1.561.808	0	0	0	0	0	87.075	16.327	10.884	1.447.522	
75	Lưu Trọng Ánh	V.08.01.03	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	836.000	0	0	0	0	6.609	45.600	8.550	5.700	769.541	P 4 ngày
76	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
77	Nguyễn Thị Mộng Thuý	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
78	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66						40%	1,46	5,12	973.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
79	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20				50%	1,82	5,65	1.072.550	0	0	0	0	0	55.176	10.345	6.897	1.000.132	
80	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	974.358	
81	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	938.543	
82	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66						50%	1,83	5,49	1.043.100	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	970.083	
83	Lê Thị Thanh Tuyển	V.08.05.12	3,99						50%	2,00	5,99	1.137.150	0	0	0	0	0	60.648	11.371	7.581	1.057.550	
84	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40	0,20				40%	2,33	8,35	1.586.120	0	0	0	0	13.217	88.464	16.587	11.058	1.456.794	P 8 ngày
85	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				40%	2,29	8,21	1.559.520	0	0	0	0	0	86.944	16.302	10.868	1.445.406	
86	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30			5%	0,2490	40%	2,21	7,74	1.470.714	0	0	0	0	0	84.041	15.758	10.505	1.360.410	
87	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20				40%	2,06	7,40	1.405.240	0	0	0	0	33.043	78.128	14.649	9.766	1.269.654	Tr 3 ngày
88	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	1.179.140	0	0	0	0	34.696	65.208	12.226	8.151	1.058.859	Tr 2 ngày
89	La Thị Nhấn	V.08.01.03	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	1.266.920	0	0	0	0	8.261	70.224	13.167	8.778	1.166.490	P 5 ngày
90	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	1.091.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.012.358	

91	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99	0,30	0,40				60%	2,57	7,26	1.380.160	0	0	0	0	6.609	65.208	12.226	8.151	1.287.966	P 2 ngày
92	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66							0,00	3,66	695.400	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	622.383	
93	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	974.358	
94	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	1.167.740	0	0	0	0	0	66.728	12.511	8.341	1.080.160	
95	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,40					40%	2,06	7,20	1.367.240	0	0	0	0	0	78.128	14.649	9.766	1.264.697	Tăng PCCV
96	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	1.091.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.012.358	
97	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10				40%	2,02	7,16	1.359.640	0	0	0	0	0	76.608	14.364	9.576	1.259.092	
98	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40	0,10				40%	2,33	8,25	1.567.120	0	0	0	0	6.196	88.464	16.587	11.058	1.444.815	P 6,5 ngày, Th 1 ngày
99	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13							60%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ TS
	Cộng		147,35	6,40	5,20	2,70	0,12	0,60	17,70	68,8590	231,11	43.910.262	0	0	0	0	155.718	2.346.084	439.891	293.260	40.675.309	
	Phần I+Phần II		375,74	12,00	11,00	4,50	0,18	0,90	39,80	156,95	561,08	106.605.884	0	0	0	0	383.718	5.907.274	1.107.618	738.409	98.468.865	
100	Phạm Thị Lê	V.08.05.13							40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ Thai sản
101	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00		0,20	0,10			40%	1,20	4,50	855.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	795.150	
102	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	1.030.560	0	0	0	0	1.652	55.632	10.431	6.954	955.891	P 1 ngày
103	Nguyễn Thị Hường	V.08.06.16	3,96			0,10			40%	1,58	5,64	1.072.360	0	0	0	0		60.192	11.285	7.524	993.359	Tăng lương
104	Đinh Thị Thỏm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
105	Nguyễn Thị Thanh Thuý	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	1.118.340	0	0	0	0	6.609	60.648	11.371	7.581	1.032.131	P 4 ngày
106	Nguyễn Thị Lâm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	318.725	0	0	318.725	0	55.632	10.431	6.954	600.818	Ô 11 ngày
107	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10			40%	1,73	6,15	1.168.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.081.936	
108	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	992.560	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	919.543	
109	Nguyễn Thị Thuý	V.08.06.15	3,99			0,10			40%	1,60	5,69	1.080.340	0					60.648	11.371	7.581	1.000.740	Tăng PCTN
110	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20				40%	1,99	7,17	1.362.680	0	0	0	0	38.000	75.696	14.193	9.462	1.225.329	
111	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	761.520	0	0	0	0	31.391	41.344	7.752	5.168	675.865	Tr 4 ngày
112	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	836.000	0	0	0	0	34.696	45.600	8.550	5.700	741.454	Tr 2 ngày
113	Lê Thị Mỹ Diễm	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0			0	31.391	55.632	10.431	6.954	907.152	Tr 4 ngày
114	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	1.011.560	0	0	0	0	31.391	55.632	10.431	6.954	907.152	Tr 4 ngày
115	Trương Thị Bích Phương	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	761.520	0	0	0	0	31.391	41.344	7.752	5.168	675.865	Tr 4 ngày
116	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41		0,20				40%	0,96	3,57	679.060	0	0	0	0	38.000	36.632	6.869	4.579	592.980	
117	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,67						50%	1,34	4,01	760.950	0				0	40.584	7.610	5.073	707.683	
118	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	1.040.250	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	967.433	
119	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20				40%	1,34	4,88	926.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	859.807	
120	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00						50%	1,50	4,50	855.000	0	0	0	0	0	45.600	8.550	5.700	795.150	
121	Nguyễn Thị Minh Khá	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0				0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
122	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20				50%	1,83	5,68	1.078.250	0	0	0	0	13.217	55.480	10.402	6.935	992.216	P 8 ngày

123	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10						40%	0,84	2,94	558.600	0	0	0	0	0	31.920	5.985	3.990	516.705	
124	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40				70%	3,02	7,74	1.471.360	0	0	0	0	6.609	65.664	12.312	8.208	1.378.567	P 2 ngày
125	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27		0,40				70%	2,99	7,66	1.455.210	0	0	0	0	16.522	64.904	12.170	8.113	1.353.501	P 5 ngày
126	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13							40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi Ồ 21 ngày
127	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	641.060	0	0	0	0	0	36.632	6.869	4.579	592.980	
128	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26						40%	1,30	4,56	867.160	0	0	0	0	0	49.552	9.291	6.194	802.123	
129	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32						40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936	
130	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	805.980	0	0	0	0	0	46.056	8.636	5.757	745.531	
131	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33							0,00	3,33	632.700	0				0	50.616	9.491	6.327	566.266	Đi học, giám PCUBND
132	Trần Thị Dưa	V.08.07.19	3,03							0,00	3,03	575.700	0				0	46.056	8.636	5.757	515.251	Đi học, giám PCUBND
133	Trần Bền Thom	V.08.01.03	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0				0	40.584	7.610	5.073	656.953	
134	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,46		0,20				20%	0,69	4,35	826.880	0	0	0	0	1.652	52.592	9.861	6.574	756.201	P 1 ngày
135	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
136	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65						40%	1,46	5,11	970.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	898.083	
137	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34						40%	1,34	4,68	888.440	0	0	0	0	0	50.768	9.518	6.346	821.808	
138	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,99						40%	1,60	5,59	1.061.340	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	981.739	
139	Võ Thị Kim Phương	V.08.08.23	3,33						40%	1,33	4,66	885.780	0	0	0	0	0	50.616	9.491	6.327	819.346	
140	Võ Thị Ai Vân	V.08.08.23	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	1.008.900	0	0	0	0	1.652	55.480	10.402	6.935	934.431	Ct 1 ngày
141	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0	0	0	0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	
142	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	710.220	0	0	0	0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	
143	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65						40%	1,46	5,11	970.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	898.083	
144	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	1.187.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.100.936	
145	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00				40%	1,73	6,05	1.149.120	0	0	0	0	0	65.664	12.312	8.208	1.062.936	
146	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30				40%	1,73	6,35	1.206.120	0	0	0	0	4.957	65.664	12.312	8.208	1.114.979	P 2 ngày
147	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	3.304	60.648	11.371	7.581	1.016.436	P 2 ngày
148	Nguyễn Hồng Văn	V.08.07.18	4,98		0,30		6%	0,2988	60%	3,17	8,75	1.661.755	0	0	0	0	0	80.238	15.045	10.030	1.556.442	Tăng PCTNVK
149	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30				70%	2,56	6,52	1.239.180	0	0	0	0	0	55.632	10.431	6.954	1.166.163	
150	Nguyễn Thị Thát	V.08.06.16	3,96						40%	1,58	5,54	1.053.360	0	0	0	0	0	60.192	11.285	7.524	974.359	Tăng lương
151	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	989.900	0	0	0	0	0	55.480	10.402	6.935	917.083	
152	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	989.900	0	0	0	0	1.652	55.480	10.402	6.935	915.431	P 2 ngày
153	Trần Thành Kiêm	V.08.07.19	3,96		0,40				40%	1,58	5,94	1.129.360	0	0	0	0	0	60.192	11.286	7.524	1.050.358	
154	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,99		0,10				40%	1,60	5,69	1.080.340	0	0	0	0	0	60.648	11.372	7.581	1.000.739	
155	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	1.099.340	0	0	0	0	9.913	60.648	11.372	7.581	1.009.826	P 6 ngày
156	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,33		0,40				40%	1,33	5,06	961.780	0	0	0	0	0	50.616	9.491	6.327	895.346	
157	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40				40%	1,34	5,08	964.440	0	0	0	0	0	50.768	9.519	6.346	897.807	

	Phần III		200,61	0,00	7,00	0,90	0,06	0,30	23,70	83,16	291,96	55.473.175	318.725	0	0	318.725	303.999	3.053.814	572.590	381.727	50.842.320	
	Tổng cộng I+II+III		576,350	12,00	18,00	5,40	0,24	1,19520	63,50	240,10	853,05	162.079.059	318.725	0	0	318.725	687.717	8.961.088	1.680.208	1.120.136	149.311.185	

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm mười một nghìn một trăm tám mươi lăm đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (190.000)

Tháng 8 năm 2026

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCUĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				5%	0,20	20%	0,85	5,08	964.782	0			0		64.319	12.060	8.040	880.363	
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	964.782	0	0	0	0	0	64.319	12.060	8.040	880.363	

Tổng số tiền bằng chữ : Tám trăm tám mươi nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng chẵn.